

Số: 36 /NQ-ĐHĐCĐ

Hải Phòng, ngày 16 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng ngày 16 tháng 4 năm 2019,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2018 và Kế hoạch SXKD năm 2019 của Ban Giám đốc với 1.769.184 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, một số chỉ tiêu chính như sau:

1.1 Kết quả kinh doanh năm 2018

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% thực hiện so với	
					Kế hoạch	Cùng kỳ
1	Tổng sản lượng	Tấn	1.266.518	1.684.475	133,00	124,39
	Tương đương	Tấn.km	102.960.145	104.858.246	101,84	76,66
2	Doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	108,109	122,702	113,50	105,05
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,400	2,773	115,54	118,00
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,920	2,198	114,43	117,42
5	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	3,350	4,180	124,77	105,29
6	Tỷ lệ trả cổ tức	%	6	7	116,67	116,67
7	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	10,600	10,950	103,30	106,78
8	EBITDA	Tỷ đồng	5,477	5,704	104,14	103,26



1.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch
1	Tổng sản lượng <i>Tương đương</i>	Tấn <i>Tấn.km</i>	1.472.000 29.524.322
2	Doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	120,319
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,850
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,280
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	3,950
6	Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến	%	7
7	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	11,00
8	EBITDA	Tỷ đồng	5,734

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018 và Kế hoạch hoạt động năm 2019 với 1.769.184 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2018 và Kế hoạch hoạt động năm 2019 với 1.769.184 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 theo nội dung Tờ trình số 22/TTr-HĐQT với 1.769.184 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
1	Tổng tài sản	Đồng	47.702.582.595
2	Nợ phải trả	Đồng	5.569.261.926
3	Vốn chủ sở hữu	Đồng	42.133.320.669
4	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Đồng	20.163.850.000
5	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Đồng	122.701.808.604
6	Tổng chi phí	Đồng	119.928.586.114
7	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	2.773.222.490
8	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	2.197.553.445
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	1.090

Điều 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 theo nội dung Tờ trình số 23/TTr-HĐQT với 1.733.384 cổ phần tán thành, tương đương 97,98% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội; cụ thể như sau:



TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
I	Vốn điều lệ	Đồng	20.163.850.000
II	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018	Đồng	
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2018	Đồng	2.773.222.490
2	Thuế TNDN phải nộp năm 2018	Đồng	575.669.045
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2018	Đồng	2.197.553.445
	Tổng lợi nhuận phân phối năm 2018:	Đồng	2.197.553.445
4	Trả cổ tức năm 2018 (tỷ lệ 7% x VDL bằng tiền)	Đồng	1.411.469.500
5	Trích Quỹ đầu tư và phát triển	Đồng	219.755.345
6	Trích quỹ thưởng 10% phần vượt LNST (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018)	Đồng	27.775.345
7	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	538.573.255
III	Tổng lợi nhuận còn lại chưa phân phối	Đồng	0

Điều 6. Thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và Kế hoạch thù lao 2019 theo nội dung Tờ trình số 24/TTr-HĐQT với 1.769.184 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

6.1 Mức thù lao năm 2018: Tổng chi phí cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký công ty năm 2018 là: 402.000.000 đồng. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân bổ mức thù lao năm 2018 cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký Công ty.

6.2 Kế hoạch thù lao năm 2019

TT	Chức danh	Số lượng	Mức thù lao (đồng/người/tháng)	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị	5		
1	Chủ tịch HĐQT	1	6.000.000	
2	Thành viên HĐQT	4	4.000.000	
II	Ban kiểm soát	3		
1	Trưởng BKS	1	11.000.000	Lương chuyên trách
2	Thành viên BKS	2	3.000.000	
III	Thư ký công ty	1	3.000.000	

Quỹ thưởng: Trong trường hợp Công ty hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế được Đại hội đồng cổ đông giao thì quỹ thưởng đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành Công ty bằng 10% phần vượt lợi nhuận sau thuế năm 2019.

Điều 7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 là Công ty TNHH kiểm toán An Việt theo nội dung Tờ trình số 25/TTr-BKS với 1.769.184 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

77563-L
 CÔNG TY
 AN VIỆT
 DỊCH VỤ
 KIỂM TOÁN
 SỐ 1 MÃNG
 ĐƯỜNG
 PHẢI P

Điều 8. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2019

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và toàn thể cổ đông Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GD&ĐT TP Hà Nội (B/cáo);
- HĐQT, TGD Tổng Cty CN XMVN (B/cáo);
- Các thành viên HĐQT Công ty (để T/hiện);
- Các thành viên BKS Công ty (để T/hiện);
- Ban Giám đốc Công ty (để T/hiện);
- Công bố TT trên Website Cty (thay cho T/báo);
- Lưu: Văn thư.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH HĐQT



Maí Hồng Hải

